

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2020

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Quang Xệt;

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Hưởng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1983. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh D, sinh năm 1982. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp Kinh Xáng, xã Tây Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Phòng trọ số 3, nhà trọ Nguyễn Thị Thu, tổ 4, khu phố Bình Khánh, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-3-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị A trình bày:

Chị A và anh D chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11-5-2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyền số 01/2011. Thời gian đầu vợ chồng chị An, anh Dũng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên H, sinh năm 1998 và K, sinh ngày 09/5/2003. Thời gian đầu vợ chồng sinh sống ở quê,

những năm gần đây thì lên Bình Dương làm công nhân, kể từ khi lên Bình Dương thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Dũng không quan tâm, chăm sóc vợ con như trước dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Chị An và anh Dũng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị A yêu cầu được ly hôn anh D.

Về con chung: Do con tên H đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, đối với con chung tên K, sinh ngày 09/5/2003 chưa thành niên nên khi ly hôn chị An yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Dũng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị An không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị An vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp gồm: Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, sổ tạm trú mang tên A, D; Bản sao Giấy khai sinh mang tên K, H; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn.

Trong quá trình tố tụng, anh D được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Anh Dũng cũng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị A.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không tham gia tố tụng tại Tòa án là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 11-5-2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyền số 01/2011, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên đơn chị A cho rằng kể từ khi lên Bình Dương thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Dũng không quan tâm, chăm sóc vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Về phía anh D, quá trình tố tụng được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Dũng đều vắng mặt không có lý do. Việc anh Dũng không tham tố tụng là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn, các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị An và anh Dũng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chị An yêu cầu được ly hôn với anh Dũng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị An và anh Dũng có 02 con chung tên H, sinh năm 1998 đã thành niên và K, sinh ngày 09/5/2003, hiện con chung K đang sống với chị An và có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Khang cho chị An nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị An không yêu cầu anh Dũng cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của chị An, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị An không yêu cầu anh Dũng phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A như sau:
 - Về hôn nhân: Chị A được ly hôn với anh D.
 - Về con chung: A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên K, sinh ngày 09/5/2003. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037788 ngày 27/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hương Diệp